

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **183/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 27 – 5 - 2021
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/20201/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 276/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số X, tổ Y, ấp H, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ Z, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà H và ông D đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Nguyễn Thị H; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng D là do mai mối, có

tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 1048 ngày 11/9/2003.

Theo bà H, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, gia đình khó khăn về kinh tế, ông D thường xuyên đập phá đồ đạc trong nhà và không quan tâm lo cho vợ con. Hai người đã ly thân từ năm 2020 đến nay, gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà H và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Hòa và Nguyễn Quốc T sinh cùng ngày 22/6/2004. Hiện cháu Hòa đang sống với ông D, còn cháu T thì sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D không có mặt theo triệu tập của Tòa nên không ghi nhận được ý kiến của ông D; ông D cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Bà H có yêu cầu không hòa giải về tình cảm giữa bà và ông D. Đồng thời bà H có đơn xin không tham gia phiên tòa.

Về tài liệu, chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp, gồm: Bản sao sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Thị H; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 1048, quyển số IV ngày 11/9/2003 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu; bản sao các giấy khai sinh mang tên Nguyễn Quốc T, Nguyễn Quốc Hòa; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị H.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, mối quan hệ tình cảm, điều kiện nuôi con. Theo kết quả xác minh được biết: Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1970, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ Z, ấp Phú Hòa, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Ông D hiện nay đi làm ăn ở tỉnh Đồng Tháp, có thường xuyên về địa phương.

Theo kết quả ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên, cháu Nguyễn Quốc T có nguyện vọng sống với mẹ là bà Nguyễn Thị H; cháu Nguyễn Quốc H1 có nguyện vọng sống với cha là ông Nguyễn Hoàng D sau khi ông D, bà H ly hôn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố nội dung đơn khởi kiện, lời khai bà H; các biên bản xác minh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành

xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Theo trình bày của bà H và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà H và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về con chung giải quyết theo nguyện vọng của cháu T và cháu H1. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D; yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng D cư trú ấp Phú Hòa, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà H và ông D vắng mặt, bà H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin không tham gia phiên tòa; ông D vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Do đó Tòa án căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà H và ông D có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà H xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm là do bất đồng quan điểm sống, do thiếu hụt về kinh tế và do ông D thiếu quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình. Hai người đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Theo kết quả xác minh xác định được, trình bày của bà H là có căn cứ. Theo xác minh thì ông D và bà H có thường cãi vã về tiền bạc, ông D đã trở về Phú Hữu sinh sống và ly thân với bà H từ năm 2020 đến nay. Ông D có biết việc bà H xin ly hôn nhưng không có ý kiến. Điều này cho thấy ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà H và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, Bà H và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Quốc H1 và Nguyễn Quốc T sinh cùng ngày 22/6/2004 (sinh đôi). Theo nguyện vọng của cháu H1 thì muốn được tiếp tục sống với cha, còn cháu T thì có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha, mẹ ly hôn. Xét từ khi ông D, bà H ly thân đến nay thì cháu H1 do ông D nuôi dạy, còn cháu T thì do bà H nuôi dạy. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý, điều kiện sống và học tập của các cháu, Hội đồng xét xử nghĩ nên giải quyết theo nguyện vọng của các cháu là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Công nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi dạy cháu T. Đồng thời bà H cũng xin không phải cấp dưỡng để ông D nuôi dạy cháu H1. Xét yêu cầu của bà H về việc không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho nhau là chính đáng, nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông D có căn cứ xác định có tài sản chung thì có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị H,

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D.

2. *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dạy 01 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 22/6/2004. Ông Nguyễn Hoàng D được tiếp tục nuôi dạy 01 con chung tên Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 22/6/2004. Ông D, bà H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà H, ông D cùng các thành viên gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của nhau và không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số TU/2009/0006999 ngày 10/3/2021. (bà H đã nộp đủ).

4. *Về quyền kháng cáo:* Án tuyên công khai vắng mặt bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng D. Thời hạn kháng cáo của bà H, ông D là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 1048, quyển số IV do Ủy ban nhân dân xã xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 11/9/2003 cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng D không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Phú Hữu (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu